

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/BHS.PR/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG**

Địa chỉ: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0259.3888039

E-mail: bhsphanrang@ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 4500138596

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – FSSC 22000 số: FSSC 801811

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN**

2. Thành phần: Đường mía 100%

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đường Vàng Thiên Nhiên được chứa trong bao bì có 2 lớp: bao PP bên ngoài, bao PE bên trong.
- Khối lượng tịnh: 50 kg.

5. Xuất xứ: Việt Nam

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

6.1 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG

- Địa chỉ: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Địa chỉ cơ sở sản xuất và đóng gói: 160 đường Bác Ái, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất. Minh họa:
NSX/MFG: dd.mm.yy E

6.2. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm trong trường hợp thuê cơ sở sản xuất:

- Tên cơ sở được thuê sản xuất: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu AgriS Ninh Hòa
- Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất. Minh họa:
NSX/MFG: dd.mm.yy D



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn đính kèm hồ sơ.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Kim loại nặng: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ Y tế ban hành.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1.0
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.5
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Hàm lượng Đồng	mg/kg	2.0

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất:
 - + Các chỉ tiêu cảm quan:
 - Trạng thái: Tinh thể tương đối đồng đều, khô, rời
 - Màu sắc: Tinh thể màu vàng sáng đến nâu, khi pha vào nước cất cho dung dịch có màu tương ứng từ vàng nhạt đến nâu.
 - Mùi vị: Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có mùi vị tự nhiên, không có mùi vị lạ.

+ Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	$\geq 98,5$
2	Độ màu	ICUMSA	≤ 2500
3	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 0,4$
4	Độ tro dẫn điện	% khối lượng	$\leq 0,3$
5	Hàm lượng đường khử	% khối lượng	$\leq 0,35$
6	Hàm lượng lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/kg	≤ 9

+ Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Không chất chung hàng hóa, thực phẩm khác trong quá trình vận chuyển. Chứa trong kho kín có thông gió, phải lưu trữ tách biệt đường với các sản phẩm khác để tránh hấp phụ mùi, ẩm và các nhiễm chéo khác.

+ Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *le*



GIÁM ĐỐC

Võ Thị Thùy Tiên



Ngày 11/08/2025

BP. QMS xác nhận

Duyệt


Nguyễn Thị Diễm Hương



Võ Thị Thùy Tiên



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN NATURAL GOLD SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
160 Đường Bắc Ái, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam



TU HẠO LÀ THÀNH VIÊN



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ANH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN 50 KG

ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN 50 KG

NSX/MFG: 08/08/15 EBC 1234567

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/12/2024
Page 01/06

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Xem hình trang/ See photograph on page 06/06.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 13/12/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 13/12/2024 – 23/12/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG
Customer 160 Bắc Ái, phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-05/06
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

23/12/2024
Page 02/06

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan ^(*) / Sensory test	QTTN/KT3 234:2019		-	
- Trạng thái/ State - Mùi vị / Odor & taste				Dạng hạt tương đối đồng đều, khô, rời/ Relatively same in size crystal, dry, no curdle Tinh thể đường hoặc dung dịch đường thô trong nước có mùi vị ngọt tự nhiên, không có mùi vị lạ Crystal sugar or solution of sugar in water have natural sweet odor & taste, free from foreign odor & taste
7.2. pH	GS1/2/3/4/7/8/9 - 23 (2009) - ICUMSA		-	6,12
7.3. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA		-	99,4
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	$8,10 \times 10^{-2}$
7.5. Độ màu / Color, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA		-	$1,09 \times 10^3$
7.6. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 1/3/4/7/8 - 13 (1994) - ICUMSA		-	0,14

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/12/2024
Page 03/06

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS1 - 5 (2009) ICUMSA		-	0,23
7.8. Hàm lượng chất rắn không hòa tan, mg/kg Insoluble solids content	GS1-24 (2017) ICUMSA		-	4,49
7.9. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007			
• B ₁		0,25		Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,25		Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25		Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,25		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016	1,50 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng đồng, mg/kg Copper content	QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC (999.11))	0,12		Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA		-	2,27

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/12/2024
Page 04/06



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.17. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg Pesticide content				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrins	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05		Không phát hiện Not detected
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005		Không phát hiện Not detected
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/12/2024
Page 05/06

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện Not detected
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005		Không phát hiện Not detected
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025		Không phát hiện Not detected
7.18. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g Total mesophilic bacterial count	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		6,0 x 10 ⁰
7.19. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-		2,0 x 10 ⁰
7.20. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-		2,0 x 10 ⁰
7.21. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than 0
7.22. E.Coli, MPN/g	ISO16649 – 3 : 2015	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.23. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.24. Salmonella spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ AMD.1:2020	-		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Notes:

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07501BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

23/12/2024
Page 06/06



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.